

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2020/HS-ST

Ngày: 06-8-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đức Toàn

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2020/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2020/QĐXXST-HS ngày 24/7/2020 đối với bị cáo:

Trần Văn B; giới tính: Nam; sinh ngày 27/7/1975; nơi cư trú: Đường V, tổ 11, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình; trình độ học vấn (văn hóa): 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Xuân Đ (đã chết) và con bà Trần Thị T (đã chết); chưa có vợ, con. Tiền án: - Bản án số 25/HSST ngày 13/3/2001, Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là Tòa nhân dân thành phố Thái Bình), tỉnh Thái Bình xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2000; đã chấp hành xong hình phạt tù, án phí hình sự và dân sự sơ thẩm; khoản tiền bồi thường 2.000.000 đồng không có yêu cầu thi hành. - Bản án số 118/HSST ngày 28/9/2004, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 08 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 29/5/2004; đã chấp hành xong

hình phạt tù và án phí hình sự sơ thẩm; chưa chấp hành tiền phạt 10.000.000 đồng. - Bản án số 89/2013/HSST ngày 13/6/2013, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 08 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 18/3/2013; chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2019, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 12/8/2013. Tiền sự: Không. Nhân thân: - Bản án số 91/HSST ngày 21/9/1996, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, thời hạn tù tính từ ngày 31/12/1995 (đã được xóa án tích). - Bản án số 68/HSST ngày 17/10/1997, Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình (nay là Tòa nhân dân thành phố Thái Bình), tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, thời hạn tù tính từ ngày 21/5/1997 (đã được xóa án tích). - Bản án số 256/HSST ngày 15/12/1998, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, thời hạn tù tính từ ngày 14/8/1998 (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/3/2020 đến ngày 12/3/2020 chuyển tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, bị cáo bị trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Tạ Thị T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn V, xã S, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Người chứng kiến:

1. Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 10, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Ông Tống Gia N, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Đường V, tổ 18, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

3. Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1950 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 11, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

4. Chị Đặng Thị T, sinh năm 1979 (có mặt)

Nơi cư trú: Đường V, tổ 11, phường Q, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 06/3/2020, bị cáo Trần Văn B điều khiển xe mô tô kiểu dáng Sirius màu đen trắng xanh, biển số đăng ký 47AB-803.61 đi từ nhà ra khu vực vườn hoa thành phố T mục đích để mua ma túy về bán kiếm lời. Tại đây, bị cáo B gặp và mua của một người phụ nữ không biết tên, tuổi, địa chỉ 01 gói ma túy loại Heroin với giá 3.000.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, bị cáo B mang về nhà chia thành 03 phần nhỏ, mỗi phần được gói bằng giấy trắng bạc màu vàng và 01 phần to được gói bằng giấy trắng kim loại màu trắng. Sau đó bị cáo B cho 03 gói nhỏ vào 01 túi nilon trong suốt rồi cất giấu dưới nền nhà tầng ba nhà bị cáo B. Gói ma túy to bị cáo B cho vào túi nilon trong suốt và cất giấu trong túi quần bên trái phía trước đang mặc mục đích mang đi tìm người mua để bán. Khoảng 15 giờ 40 phút cùng ngày, bị cáo B điều khiển xe mô tô trên đi từ nhà đến khu vực ngõ 12, đường K, tổ 11, phường Q, thành phố T tìm người mua ma túy để bán thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình yêu cầu kiểm tra. Trước sự chứng kiến của ông Phạm Xuân H và ông Tống Gia N, bị cáo B tự giác giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon trong suốt bên trong có 01 gói bằng giấy bạc màu trắng, mở kiểm tra có chất bột màu trắng dạng cục là ma túy, loại Heroin có khối lượng 2,8248 gam (niêm phong ký hiệu M1). Kiểm tra người bị cáo B thu tại túi quần bên trái phía trước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen đã cũ và số tiền 500.000 đồng.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Trần Văn B tại đường V, tổ 11, phường Q, thành phố T. Qua khám xét thu giữ tại ngăn tủ bên trái gian ngoài tầng hai: 01 bình sử dụng ma túy bằng vỏ nhựa; 01 cân điện tử vỏ màu đen đã cũ. Thu dưới nền nhà tầng ba: 05 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu xanh, bên trong mỗi túi chứa các hạt tinh thể trong suốt có khối lượng 1,4091 gam, không tìm thấy chất ma túy (niêm phong ký hiệu M2); 01 túi nilon trong suốt có mép cài màu trắng bên trong có 03 gói nhỏ đều gói bằng giấy trắng bạc màu vàng, bên trong mỗi gói chứa chất bột màu trắng dạng cục là ma túy, loại Heroin có khối lượng 0,6754 gam (niêm phong ký hiệu M3) và 01 cân điện tử vỏ màu đen đã cũ.

Tại bản kết luận giám định số 80/KLGD-PC09, ngày 07/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

- Mẫu vật trong phong bì niêm phong ký hiệu M1 là ma túy, loại **Heroine**, có khối lượng **2,8248 gam** (hai phẩy tám nghìn hai trăm bốn mươi tám gam).

- Mẫu vật trong phong bì niêm phong ký hiệu M2 có khối lượng **1,4094 gam**. Qua giám định phòng kỹ thuật hình sự không đủ điều kiện kết luận, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình trưng cầu C09 - Bộ Công an giám định.

- Mẫu vật trong phong bì niêm phong gửi giám định ký hiệu M3 là ma túy, loại **Heroine**, có khối lượng **0,6754 gam** (*không phải sáu nghìn bảy trăm năm mươi bốn gam*).

- Bản kết luận giám định số 1398/C09-TT2 ngày 18/3/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Không tìm thấy chất ma túy trong mẫu ký hiệu M2 gửi giám định

Cáo trạng số 94/CT-VKSTPTB ngày 08/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Trần Văn B về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm q khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm q khoản 2, khoản 5 điều 251; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38; điều 50 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn B mức án từ 08 năm đến 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2020. Phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.0000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của bị cáo còn lại sau giám định.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 cân điện tử màu đen đã cũ, 01 bình sử dụng ma túy đá bằng nhựa và 05 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu xanh, bên trong mỗi túi chứa các chất hạt tinh thể trong suốt được niêm phong trong phong bì mẫu vật hoàn trả sau giám định số 1398/C09-TT2 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an.

+ Trả lại bị cáo Trần Văn B 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Detech kiểu dáng Sirius, biển số 47AB-803.61; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, đã cũ và số tiền 500.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ điều 331, điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố, không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình; của Kiểm sát viên và Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn B đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bởi các chứng cứ khác như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 17 giờ 30 phút ngày 06/3/2020 tại trụ sở Công an phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình (bút lục số 03 đến 04); biên bản khám xét khẩn cấp hồi 18 giờ 50 phút ngày 06/3/2020 tại nhà ở của bị cáo Trần Văn B (bút lục số 17 đến 18); biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Công an tỉnh Thái Bình lập tại trụ sở Công an phường Q, thành phố T và nhà ở của bị cáo B (bút lục số 43 đến 47); bản Kết luận giám định số 80/KLGD - PC09 ngày 07/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (bút lục số 50,51); bản Kết luận giám định số 1398/C09-

TT2 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an (bút lục số 55); lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tạ Thị T (bút lục số 124, 125); lời khai của những người chứng kiến là ông Bùi Xuân H, ông Tống Gia N, ông Hoàng Văn L và chị Đặng Thị T (bút lục số 126 đến 137). Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, phù hợp với các chứng cứ khác về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 06/3/2020, tại khu vực ngõ 12, đường K, tổ 11, phường Q, thành phố T, bị cáo Trần Văn B có hành vi tàng trữ để bán 2,8248 gam ma túy, loại Hêrôin thì bị Công an tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang. Ngoài ra, bị cáo Trần Văn B còn tàng trữ trái phép tại nhà ở 0,6754 gam ma túy, loại Hêrôin, mục đích để bán kiếm lời. Tổng khối lượng Hêrôin bị cáo tàng trữ để bán kiếm lời là **3,5002** gam Hêrôin. Vì vậy, bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm q khoản 2 điều 251 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định: Tội “Mua bán trái phép chất ma túy”: *“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm...2. Phạm tội trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Có tổ chức;...q) Tái phạm nguy hiểm...5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*.

[3] Xét tính chất mức độ hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma túy đã gây ra những tác hại khôn lường cho sức khỏe, trí tuệ, nhân cách và nòi giống con người, ma túy còn gây ra biết bao hiểm họa nghiêm trọng khác cho xã hội, là nguồn gốc phát sinh hàng loạt các loại tội phạm, là tác nhân lan truyền đại dịch thế kỷ HIV-AIDS, là yếu tố phá vỡ hạnh phúc biết bao gia đình có người nghiện...Tội phạm mà bị cáo đã thực hiện là tội phạm rất nghiêm trọng. Bị cáo có 03 tiền án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm q khoản 2 điều 251 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp

phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội. Do bị cáo tàng trữ ma túy để bán mục đích thu lời bất chính nên cần phạt bổ sung bị cáo từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo Trần Văn Bình không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo B có nhân thân rất xấu, đã 03 lần bị kết án nhưng đã được xóa án tích. Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo B khai mua của một người phụ nữ không biết tên, tuổi và địa chỉ tại khu vực vườn hoa thành phố T, tỉnh Thái Bình nên cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Số ma túy thu giữ của bị cáo được hoàn lại sau giám định được niêm phong trong 02 phong bì số 80/KLGD-PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình và 01 phong bì bên trong là mẫu vật hoàn trả sau giám định số 1398/C09-TT2 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần tịch thu tiêu hủy.

[6.2] Đối với 02 chiếc cân điện tử màu đen đã cũ, 01 bình sử dụng ma túy đá bằng nhựa thu giữ của bị cáo, áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần tịch thu tiêu hủy.

[6.3] Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Detech kiểu dáng Sirius, biển số 47AB-803.61; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, đã cũ và số tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo B, xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên áp dụng điều 46 Bộ luật Hình sự và căn cứ vào điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm q khoản 2, khoản 5 điều 251; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38; điều 50; điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ vào điều 106; điều 135; điều 136; điều 331; điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự; điều 21; điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn B **09** (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2020.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn B 10.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của bị cáo còn lại sau giám định được niêm phong trong 02 phong bì số 80/KLGD-PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình và 01 phong bì số 1398/C09-TT2 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an niêm phong bên trong là mẫu vật hoàn trả sau giám định.

3.2. Tịch thu tiêu hủy 02 cân điện tử màu đen đã cũ, 01 bình sử dụng ma túy đá bằng nhựa thu giữ của bị cáo.

3.3. Trả lại bị cáo Trần Văn B 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Detech kiểu dang Sirius, biển số 47AB-803.61; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, đã cũ và số tiền 500.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng nêu trên Cơ quan điều tra đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố T ngày 09/7/2020).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo Trần Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 06/8/2020; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tạ Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- CQĐT CATP.Thái Bình;
- CQTHAHS CATP.Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái